

Bản án số:40/2022/HS-ST

Ngày 30 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc;

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Khổng Văn M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1986 tại xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn H (đã chết) và bà Khổng Thị V; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Anh P, sinh năm 1974; Địa chỉ: tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Anh Trần Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

- Công ty D (Công ty D).

Địa chỉ: Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T- Giám đốc (Có mặt).

-Ngân hàng X

Địa chỉ: Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Trưởng nhóm xử lý nợ, Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng X (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Khổng Văn M đã nảy sinh ý định cho vay tiền để thu lãi, người vay tiền của M thường là những người quen biết. Khi cho vay M quy định mức tiền lãi là 3.000

đồng/01 triệu/01 ngày và trả theo tháng, người vay phải có tài sản để làm tin, viết giấy vay tiền hoặc viết giấy bán xe nhằm bảo đảm việc trả nợ. Từ khoảng tháng 8 năm 2021 đến khi bị Cơ quan điều tra kiểm tra, phát hiện M đã cho 02 người là anh Nguyễn Anh P và anh Trần Văn V vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương 109,5%/01 năm, cụ thể như sau:

Ngày 18/8/2021, anh Nguyễn Anh P rủ anh Trần Văn V đi chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, biển kiểm soát 30E- xxxxx đến nhà M để hỏi vay 50.000.000đồng lấy tiền đầu tư kinh doanh, M đồng ý và yêu cầu anh P viết giấy vay tiền có chữ ký của anh V là người làm chứng và để lại xe ô tô cùng đăng kiểm xe làm tin. M thu lãi là 3.000đồng/01 triệu/01 ngày (tức là 150.000đồng/1 ngày), thời hạn trả lãi là một tháng (30 ngày) trả một lần, M cắt trước tiền lãi 30 ngày x 150.000đồng/1 ngày = 4.500.000đồng, anh P chỉ nhận được 45.500.000đồng. Khi anh P trả tiền lãi tháng 10 năm 2021 do điện thoại của M bị hỏng không nhận được thông báo biến động số dư nên M đã bảo anh P chuyển khoản vào số tài khoản xxxxxxxxx mang tên LQ (em trai ruột của M) thuộc Ngân hàng Q để trả lãi cho M. Ngày 05/10/2021 và ngày 18/11/2021, anh P đã sử dụng số tài khoản xxxxxxxxx mở tại Ngân hàng V, chuyển lần lượt là 2.000.000đồng và 2.500.000đồng vào số tài khoản trên. Do không có tiền trả lãi tháng 11 và 12 năm 2021 nên ngày 21/12/2021, anh P đến nhà M xin khất chậm trả lãi và tự nguyện để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 88D1- xxxxx. Đến ngày 23/12/2021, anh P đã có tiền trả lãi cho M nên rủ anh Trần Văn V và anh Đinh Ngọc Q đi đến nhà M để trả số tiền 9.000.000đồng là tiền lãi tháng 11 và 12 năm 2021. Khi anh P, V, Q đến thì gặp M và anh Kiều Anh T, trú tại Thôn G, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc đang chơi tại nhà M, lúc này anh P lấy số tiền 9.000.000đồng trả lãi cho M thì Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện lập biên bản và tạm giữ toàn bộ vật chứng liên quan. Như vậy tính từ ngày 18/8/2021 đến ngày 23/12/2021 anh P đã trả cho M số tiền lãi là 18.000.000đồng. Tính theo mức lãi được thu tối đa (20%/01 năm) đối với khoản vay 50.000.000đồng theo quy định của Bộ luật dân sự là: $10.000.000\text{đồng}/01\text{ năm} : 365\text{ ngày} = 27.397,2\text{đồng}/01\text{ ngày} \times 120\text{ ngày} = 3.287.664\text{đồng}$. Như vậy số tiền M thu lời bất chính của anh P là: $18.000.000\text{đồng} - 3.287.664\text{đồng} = 14.712.336\text{đồng}$.

Ngoài cho anh P vay lãi nặng như nêu trên, Khổng Văn M còn cho anh Trần Văn V vay 3 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 08/9/2021, anh Trần Văn V đi chiếc xe ô tô nhãn hiệu COLORADO chevoret, biển kiểm soát 88C- 204.50 đến nhà M để hỏi vay số tiền 200.000.000đồng. M đồng ý và yêu cầu anh V viết giấy vay tiền và để lại chiếc xe ô tô, đăng ký phô tô công chứng của chiếc xe, M thu lãi là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn trả lãi là một tháng (tức là 30 ngày) trả một lần, anh V đồng ý. Khi đưa tiền M đã cắt lãi trước 10 ngày là 6.000.000đồng, anh V chỉ nhận được số tiền là 194.000.000đồng.

Lần 2: Ngày 16/9/2021, anh V đi chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 88A- xxxxx cùng đăng ký xe mang tên Nguyễn Trường G đến nhà M để hỏi vay số tiền 60.000.000đồng, M đồng ý và yêu cầu anh V viết giấy vay tiền và để lại chiếc xe trên cùng đăng ký xe làm tin, M thu lãi là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn trả lãi là một tháng trả một lần (tức là 30 ngày) trả một lần, anh V đồng ý. Khi đưa tiền M đã cắt lãi trước 10 ngày là 1.800.000đồng, anh V chỉ nhận được số tiền là 58.200.000đồng.

Lần 3: Ngày 23/10/2021, anh V đi chiếc xe mô tô HONDA SH150i, biển kiểm soát 48F1- 167.34, cùng đăng ký xe mang tên Bùi Thị Cẩm Nhung trên đến nhà M để hỏi vay số tiền 50.000.000đồng, M đồng ý và yêu cầu anh V phải để lại chiếc xe mô tô trên cùng đăng ký xe làm tin và viết giấy bán xe để bảo đảm việc trả nợ sau này, M thu lãi là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn trả lãi là một tháng trả một lần (tức là 30 ngày), anh V đồng ý, lần này M không cắt lãi trước.

Cả 3 lần vay tiền do anh V không có tiền trả lãi đúng hạn nên M và anh V thống nhất gộp cả 3 lần vay trên với số tiền gốc là 310.000.000đồng, M chỉ tính lãi trong hai tháng 11 và 12 năm 2021 với lãi suất là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày x 310.000.000đồng x 60 ngày = 55.800.000đồng. Sau khi thống nhất anh V đã sử dụng số tài khoản xxxxxx mở tại Ngân hàng Q chuyển 04 lần tiền trả lãi vào số tài khoản 1xxxxxxx của M tổng số tiền là 35.200.000đồng, cụ thể: Ngày 01/11/2021 là 9.700.000đồng, ngày 22/11/2021 là 10.500.000đồng anh V chuyển 02 lần (lần 1 là 1.500.000đồng, lần 2 là 9.000.000đồng), ngày 13/12/2021 là 15.000.000đồng. Như vậy tổng số tiền M đã thu lãi của anh V là 43.000.000đồng, anh V còn nợ lại tiền lãi là 12.800.000đồng. Tính theo mức lãi được thu tối đa (20%/01 năm) đối với khoản vay 310.000.000đồng theo quy định của Bộ luật dân sự là: $62.000.000\text{đồng}/01\text{ năm} : 365\text{ ngày} = 169.863.014\text{đồng}/01\text{ ngày} \times 60\text{ ngày} = 10.191.780\text{đồng}$. Tổng số tiền M đã thu lời bất chính của anh V là: $43.000.000\text{đồng} - 10.191.780\text{đồng} = 32.808.220\text{đồng}$.

Như vậy tổng số tiền Khổng Văn M thu lời bất chính từ việc cho anh P và anh V vay là **47.520.556đồng**.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone X, bên trong lắp 01 thẻ sim tạm giữ của Khổng Văn M, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định giám định kỹ thuật số điện tử yêu cầu khôi phục, trích xuất dữ liệu trên các ứng dụng, thời gian từ ngày 18/8/2021 đến ngày 23/12/2021. Tại bản Kết luận giám định số 198/KLGĐ ngày 17/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Có 32 tin nhắn trong ứng dụng zalo, trên thẻ sim không có dữ liệu. Qua kiểm tra không có nội dung liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát 30E- xxxxx đăng ký xe mang tên Công ty D. Quá trình điều tra xác định Công ty D vay Ngân hàng X- Chi nhánh Hà Nội số tiền 284.000.000đồng để mua chiếc xe trên. Tại hợp đồng cho vay ngày 10/4/2017, Ngân hàng cho Công ty D vay số tiền 284.000.000đồng, trong thời

hạn 84 tháng và hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay ngày 10/4/2017 thể hiện tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là xe ô tô biển kiểm soát 30E – 430.40. Tuy nhiên tại Hợp đồng kinh tế ngày 25/5/2020, thể hiện Công ty D chuyển nhượng cho anh Nguyễn Anh P với giá là 210.000.000đồng, anh P đặt trước số tiền 50.000.000đồng, số còn lại là 160.000.000đồng trả góp lãi suất theo Ngân hàng, anh P có trách nhiệm trả lãi và gốc cho Ngân hàng đúng ngày. Quá trình điều tra xác định hàng tháng anh P vẫn thực hiện việc trả lãi và gốc cho Công ty D để trả cho Ngân hàng, tuy nhiên từ tháng 10 năm 2021 Công ty D không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Lead, biển kiểm soát: 88D1-xxxxx đăng ký mang tên Nguyễn Anh P. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên anh P đang thế chấp để vay tiền tại Công ty hỗ trợ tài chính F88, ở thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 10/6/2021 để vay số tiền 19.500.000đồng với mục đích đầu tư kinh doanh, anh P vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty hỗ trợ tài chính F88 không có yêu cầu gì đối với chiếc xe máy trên. Khi để lại chiếc xe để vay tiền, anh P có nói với M là chiếc xe trên đang được cầm cố tại công ty hỗ trợ tài chính F88 nhưng M vẫn đồng ý. Do vậy ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Anh P.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu COLORADO chevronet, biển kiểm soát 88C-204.50 đăng ký xe mang tên Trần Văn V, quá trình điều tra xác định anh V đang thế chấp tại Ngân hàng VPBank chi nhánh Vĩnh Phúc để vay vốn. Anh V vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng không có yêu cầu đề nghị gì đối với chiếc xe trên. Khi để lại xe để vay tiền, anh V có nói với M chiếc xe trên đang được thế chấp tại Ngân hàng nhưng M vẫn đồng ý, do vậy ngày 27/01/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và giấy đăng ký xe cho anh Trần Văn V.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150i, biển kiểm soát 48F1- 167.34 mang tên Bùi Thị Cẩm Nhung. Quá trình điều tra xác định khoảng cuối tháng 10 năm 2021, anh V hỏi vay chị Bùi Thị Cẩm Nhung số tiền 50.000.000đồng để đầu tư kinh doanh, chị Nhung không có tiền mặt nên đã đồng ý cho anh V mượn xe để cầm cố vay tiền. Do vậy ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chị Bùi Thị Cẩm Nhung.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 88A- xxxxx, đăng ký mang tên Nguyễn Trường G, quá trình điều tra xác định khoảng tháng 9 năm 2021, anh V hỏi vay anh Nguyễn Trường G số tiền 60.000.000đ để đầu tư kinh doanh, do anh G không có tiền nên đã cho anh V mượn chiếc xe ô tô trên để cầm cố cho M vay tiền. Đến khoảng tháng 12 năm 2021, anh V xin M cho anh V lấy lại chiếc xe trên để trả cho anh G, M đồng ý và anh V đã trả cho anh G chiếc xe trên.

Đối với số tiền gốc 310.000.000đồng Khổng Văn M cho anh Trần Văn V vay và số tiền gốc 50.000.000đồng cho anh Nguyễn Anh P vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước. Do anh P vẫn còn nợ Khổng

Văn M 50.000.000đồng tiền gốc và anh V vẫn còn nợ Không Văn M 310.000.000đồng tiền gốc nên cần truy thu từ anh Nguyễn Anh P số tiền 50.000.000đồng, truy thu từ anh Trần Văn V số tiền 310.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 32.808.220đồng là tiền Không Văn M thu lời bất chính từ việc cho anh V vay lãi nặng cần buộc M trả lại cho anh Trần Văn V.

Đối với số tiền 14.712.336đồng là tiền Không Văn M thu lời bất chính từ việc cho anh P vay lãi nặng cần buộc M trả lại cho anh Nguyễn Anh P.

Đối với số tiền 13.479.444đồng là tiền Không Văn M có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Anh P: Nhận chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I10, màu trắng, biển kiểm soát: 30E- xxxxx từ Công ty D, sau đó mang đến cầm cố cho M vào ngày 18/8/2021. Tuy nhiên hàng tháng anh P đều thực hiện đúng hợp đồng giữa anh P và Công ty D là trả đầy đủ tiền lãi và tiền gốc, do vậy hành vi của anh P không cấu thành tội phạm.

Đối với Trần Văn V: Bản thân anh V sử dụng xe ô tô nhãn hiệu COLORADO chevronet, biển kiểm soát 88C- xxxxx của anh V hiện đang thế chấp tại Ngân hàng VPbank- Chi nhánh Vĩnh Phúc và mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150i, biển kiểm soát: 48F1- xxxxx của chị Bùi Thị Cẩm N cầm cố cho M để vay tiền. Tuy nhiên hàng tháng anh V đều thực hiện trả lãi đúng hợp đồng nên Ngân hàng V không có yêu cầu đề nghị gì về chiếc xe ô tô trên. Đối với chị N đã đồng ý cho anh V mượn xe đi cầm cố vay tiền nên hành vi của anh V không cấu thành tội phạm.

Đối với LQ: Ngày 05/10/2021 ngày 18/11/2021, M nhờ anh LQ (là em trai ruột của M) sử dụng số tài khoản xxxxxxxxx của Tiến thuộc Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Vĩnh Phúc để nhận 2.000.000đồng và 2.500.000đồng từ số tài khoản xxxxxxxxx của anh Nguyễn Anh P là số tiền lãi mà anh P trả cho M từ khoản tiền 50.000.000đồng vay của M. Sau đó anh LQ đã trả cho M số tiền trên, bản thân anh LQ không biết mục đích anh P chuyển tiền cho M và cũng không biết việc M cho anh P vay lãi nặng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh LQ.

Tại Bản cáo trạng số 25/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Không Văn M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Không Văn M phạm tội: Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự. Xử phạt M từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ.

- Áp dụng Điều 46,47,48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu sung quỹ nhà nước từ anh Trần Văn V 310.000.000đ; từ anh Nguyễn Anh P 50.000.000đ.

-Buộc M trả cho anh Trần Văn V 32.808.220 đồng; trả cho anh Nguyễn Anh P 14.712.336đồng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước của Khổng Văn M 13.479.444đồng, trong đó 9.000.000đ đã tịch thu khi bắt quả tang. Tiếp tục truy thu của Khổng Văn M 4.479.444đ.

- Tịch thu bán phát mại sung công quỹ nhà nước của Khổng Văn M 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, số IMEL 35672608156419;

- Trả lại cho Công ty D 01xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I10 màu trắng, biển kiểm soát 30E-430.40; 01 giấy kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 30E-430.40.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Khổng Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/8/2021 cuối tháng 10/2021, Khổng Văn M đã 4 lần cho anh Nguyễn Anh P và anh Trần Văn V vay với tổng số tiền là 360.000.000đồng với lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 109,5%/năm), tổng số tiền lãi Khổng Văn M đã thu của anh P và anh V là 61.000.000đồng, trong đó tiền thu lãi tối đa (20%/năm) theo quy định của Bộ luật dân sự là 13.479.444đồng, tiền thu lời bất chính là 47.520.556đồng.

[3]. Hành vi cho vay tiền nêu trên của bị cáo Khổng Văn M đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Từ hành vi cho vay lãi nặng có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích... Vì vậy, cần

phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe đối với loại tội phạm này.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Khổng Văn M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Tuy tổng số tiền thu lợi bất chính là 47.520.556 đồng nhưng số tiền chiếm đoạt được của từng lần vay không lớn nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng và các tài sản bị thu giữ:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone X, bên trong lắp 01 thẻ sim tạm giữ của Khổng Văn M qua kiểm tra không có nội dung liên quan đến việc cho vay lãi nặng lại. Tuy nhiên, M đã dùng chiếc điện thoại này để liên lạc với anh P và anh V khi cho vay và thu tiền lãi nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát 30E- xxxxx đăng ký xe mang tên Công ty D và giấy đăng kí kiểm định xe. Quá trình điều tra xác định Công ty D vay Ngân hàng X- Chi nhánh Hà Nội số tiền 284.000.000đồng để mua chiếc xe trên. Tại hợp đồng cho vay ngày 10/4/2017, Ngân hàng cho Công ty D vay số tiền 284.000.000đồng, trong thời hạn 84 tháng và hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay ngày 10/4/2017 thể hiện tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là xe ô tô biển kiểm soát 30E – 430.40. Tuy nhiên, tại Hợp đồng kinh tế ngày 25/5/2020, thể hiện Công ty D chuyển nhượng cho anh Nguyễn Anh P với giá là 210.000.000đồng, anh P đặt trước số tiền 50.000.000đồng, số còn lại là 160.000.000đồng trả góp lãi suất theo Ngân hàng, anh P có trách nhiệm trả lãi và gốc cho Ngân hàng đúng ngày. Quá trình điều tra xác định hàng tháng anh P vẫn thực hiện việc trả lãi và gốc cho Công ty D để trả cho Ngân hàng, tuy nhiên từ tháng 10 năm 2021 Công ty D không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Tại phiên tòa Ngân hàng X và Công ty D đề nghị giao chiếc xe trên cho Ngân hàng. Anh P đề nghị giao lại xe cho Công ty D, anh và Công ty D sẽ tự giải quyết. Chiếc xe trên vẫn đứng tên chủ sở hữu là Công ty D nên cần trả lại chiếc xe trên cho Công ty D. Đối với việc mua bán xe giữa anh P và Công ty D và việc Công ty D dùng chiếc xe trên để thế chấp cho Ngân hàng không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Lead, biển kiểm soát: 88D1- xxxxx đăng ký mang tên Nguyễn Anh P. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên anh P đang cầm cố để vay tiền tại Công ty hỗ trợ tài chính F88, ở tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 10/6/2021 để vay số tiền 19.500.000đồng với mục đích đầu tư kinh doanh, anh P vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty hỗ trợ tài chính F88 không có yêu cầu gì đối với chiếc xe máy trên. Khi để lại chiếc xe để vay tiền,

anh P có nói với M là chiếc xe trên đang được cầm cố tại công ty hỗ trợ tài chính F88 nhưng M vẫn đồng ý. Do vậy ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Anh P. Việc trả tài sản là hợp pháp nên không xem xét xử lý trong vụ án.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu COLORADO chevronet, biển kiểm soát 88C-204.50 đăng ký xe mang tên Trần Văn V, quá trình điều tra xác định anh V đang thế chấp tại Ngân hàng VPBank chi nhánh Vĩnh Phúc để vay vốn. Anh V vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng không có yêu cầu đề nghị gì đối với chiếc xe trên. Khi để lại xe để vay tiền, anh V có nói với M chiếc xe trên đang được thế chấp tại Ngân hàng nhưng M vẫn đồng ý, do vậy ngày 27/01/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và giấy đăng ký xe cho anh Trần Văn V. Việc trả tài sản là hợp pháp nên không xem xét xử lý trong vụ án

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150i, biển kiểm soát 48F1- 167.34 mang tên Bùi Thị Cẩm N. Quá trình điều tra xác định khoảng cuối tháng 10 năm 2021, anh V hỏi vay chị Bùi Thị Cẩm N số tiền 50.000.000đồng để đầu tư kinh doanh, chị Nhung không có tiền mặt nên đã đồng ý cho anh V mượn xe để cầm cố vay tiền. Do vậy ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra đã xe mô tô và giấy đăng ký xe cho chị Bùi Thị Cẩm Nhung. Việc trả xe là hợp pháp nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 88A- xxxxx, đăng ký mang tên Nguyễn Trường G, quá trình điều tra xác định khoảng tháng 9 năm 2021, anh V hỏi vay anh Nguyễn Trường G số tiền 60.000.000đ để đầu tư kinh doanh, do anh G không có tiền nên đã cho anh V mượn chiếc xe ô tô trên để cầm cố cho M vay tiền. Đến khoảng tháng 12 năm 2021, anh V xin M cho anh V lấy lại chiếc xe trên để trả cho anh G, M đồng ý và anh V đã trả cho anh G chiếc xe trên. Việc trả tài sản là hợp pháp nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với số tiền gốc 310.000.000đồng Khổng Văn M cho anh Trần Văn V vay và số tiền gốc 50.000.000đồng cho anh Nguyễn Anh P vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước. Do anh P vẫn còn nợ Khổng Văn M 50.000.000đồng tiền gốc và anh V vẫn còn nợ Khổng Văn M 310.000.000đồng tiền gốc nên cần truy thu từ anh Nguyễn Anh P số tiền 50.000.000đồng, truy thu từ anh Trần Văn V số tiền 310.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Đối 13.479.444đồng là tiền Khổng Văn M có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó cơ quan điều tra đã tịch thu khi bắt quả tang là 9.000.000đ. Cần tiếp tục truy thu của M 4.479.444đồng

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 32.808.220đồng là tiền Khổng Văn M thu lời bất chính từ việc cho anh V vay lãi nặng cần buộc M trả lại cho anh Trần Văn V.

Đối với số tiền 14.712.336 đồng là tiền Không Văn M thu lời bất chính từ việc cho anh P vay lãi nặng cần buộc M trả lại cho anh Nguyễn Anh P.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Anh P: Nhận chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I10, màu trắng, biển kiểm soát: 30E- xxxxx từ Công ty D, sau đó mang đến cầm cố cho M vào ngày 18/8/2021. Tuy nhiên hàng tháng anh P đều thực hiện đúng hợp đồng giữa anh P và Công ty D là trả đầy đủ tiền lãi và tiền gốc, do vậy hành vi của anh P không cấu thành tội phạm.

Đối với Trần Văn V: Bản thân anh V sử dụng xe ô tô nhãn hiệu COLORADO chevronet, biển kiểm 88C- 204.50 của anh V hiện đang thế chấp tại Ngân hàng VPbank- Chi nhánh Vĩnh Phúc và mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH150i, biển kiểm soát 48F1- 167.34 của chị Bùi Thị Cẩm Nhung cầm cố cho M để vay tiền. Tuy nhiên hàng tháng anh V đều thực hiện trả lãi đúng hợp đồng nên Ngân hàng VPbank- Chi nhánh Vĩnh Phúc không có yêu cầu đề nghị gì về chiếc xe ô tô trên. Đối với chị Nhung đã đồng ý cho anh V mượn xe đi cầm cố vay tiền nên hành vi của anh V không cấu thành tội phạm.

Đối với LQ: Ngày 05/10/2021 ngày 18/11/2021, M nhờ anh LQ (là em trai ruột của M) sử dụng số tài khoản xxxxxxxxxx của Tiến thuộc Ngân hàng Q để nhận 2.000.000 đồng và 2.500.000 đồng từ số tài khoản xxxxxxxxxx của anh Nguyễn Anh P là số tiền lãi mà anh P trả cho M từ khoản tiền 50.000.000 đồng vay của M. Sau đó anh LQ đã trả cho M số tiền trên, bản thân anh LQ không biết mục đích anh P chuyển tiền cho M và cũng không biết việc M cho anh P vay lãi nặng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh LQ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Không Văn M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Không Văn M 100.0000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước từ anh Nguyễn Anh P số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn); từ anh Trần Văn V số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng chẵn).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 9.000.000đ của Không Văn M (số tiền đã tịch thu khi bắt quả tang). Tiếp tục truy thu để sung quỹ nhà nước của Không

Văn M 4.479.444 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước của Không Văn M 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, số IMEL 35672608156419;

- Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn và thương mại du lịch Diệp Huy 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I10 màu trắng, biển kiểm soát 30E-430.40; 01 giấy kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 30E-430.40.

Các tài sản trả lại và tịch thu có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu vật chứng giữa Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc ngày 15/4/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Không Văn M phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Anh P 14.712.336 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng); trả cho anh Trần Văn V 32.808.220 đồng (Ba mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn, hai trăm hai mươi đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Không Văn M không thanh toán số tiền nêu trên thì M phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Không Văn M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND xã C, huyện S;
- Lưu: Hồ sơ, THS, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Ngọc